TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 376/2023/DS-PT
Ngày: 26-9-2023
V/v: "Tranh hợp đồng đặt cọc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thinh

Các thẩm phán: Ông Hồ Văn Cường

Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 07 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc".

Do Bản án số: 45/2023/DS-ST ngày 25 tháng 05 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 283/2023/QĐPT-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 7, ấp Phước Long 2, xã Ph, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh, có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T - Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Bảo Pháp thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh; địa chỉ: Số 76, đường Phạm T, Khu phố 1, Phường 3, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, có mặt;

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 1A, Hẻm 26, đường Th, khu phố HT, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cư trú hiện nay: Số nhà 105, đường Nguyễn Văn R, Khu phố 3, Phường 4, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị Lệ H, sinh năm 1979; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố HL, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cư trú hiện nay: Số nhà 124, đường Nguyễn Văn R, Khu phố 6, Phường 4, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, vắng;

- Anh Lê Công D, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số nhà 40, đường An Quới 1, Tổ 47^{B}, khu phố An Q, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, vắng.

4. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Cẩm N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 18 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án Anh Nguyễn Thanh S trình bày*:**

Anh S quen biết chị N thông anh Nguyễn Trọng H1 giới thiệu. Trước đây anh H1 có thỏa thuận với chị N đổi 03 thửa đất số 640, 641, 642, tổng diện tích 03 thửa là 3.186,4m^2 (1.186,4m^2 + 1.000m^2 + 1.000m^2) đất lúa, thuộc tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp PT, xã Ph, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh, anh H1 nhờ Anh S đứng tên hợp đồng đặt cọc mua 03 thửa đất này của chị N nhưng thực tế là đổi đất. Anh H1 đặt cọc cho chị N số tiền 600.000.000 đồng nhưng sau đó hai bên đã hủy và thanh lý hợp đồng này xong, anh H1 bị mất tiền cọc.

Sau đó, giữa Anh S và chị N có thỏa thuận chị N chuyển nhượng lại cho Anh S 03 thửa đất này với giá 3.527.000.000 đồng (ba tỷ năm trăm hai mươi bảy triệu đồng). Sau khi thỏa thuận xong thì hai bên hẹn ngày 22/02/2022 tiến hành ký hợp đồng đặt cọc nhưng vào ngày 22/02/2022 do anh bận công việc Công ty của anh ở Thành phố Hồ Chí Minh phải xử lý, nên không trực tiếp gặp chị N để ký hợp đồng đặt cọc, anh có nhờ Anh Lê Công D và anh Lê Công C là người môi giới bất động sản làm ăn chung với anh H1 thay mặt anh đến gặp chị N để ký kết hợp đồng đặt cọc mua 03 thửa đất này.

Ngày 22/02/2022 giữa anh D và anh C (đại diện cho Anh S) với chị N có ký kết hợp đồng đặt cọc, nội dung:

- Ngày ký hợp đồng đặt cọc 22/02/2022, Anh S phải đưa cho chị N số tiền 500.000.000 đồng;

- Ngày 23/02/2022 đặt cọc lần 2: 500.000.000 đồng;

- Ngày 03/3/2022 đặt cọc lần 3: 500.000.000 đồng.

Nếu trễ hạn 01 ngày thì Anh S sẽ mất hết số tiền đặt cọc đã giao cho chị N.

Thời gian ký hợp đồng chuyển nhượng là trong vòng 60 ngày kể từ ngày 22/02/2022.

Sau khi ký hợp đồng này xong, anh D và anh C giữ hợp đồng đặt cọc, chỉ thông báo cho anh biết thời hạn và số tiền mà anh phải giao thêm cho chị N, không nói cho anh biết nội dung nếu giao tiền cọc trễ hạn 01 ngày thì anh sẽ mất hết số tiền đặt cọc đã giao cho chị N. Sau ngày hết hạn hợp đồng chuyển nhượng (ngày 24/4/2022) thì anh C và anh D mới giao cho anh giữ bản "Hợp đồng đặt cọc" (liên màu hồng).

Anh S đã chuyển khoản tiền 03 lần vào số tài khoản 7878787878 của Chị Nguyễn Thị Cẩm N tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB), cụ thể:

- Ngày 22/02/2022 chuyển khoản số tiền 500.000.000 đồng;

- Ngày 24/02/2022 chuyển khoản số tiền 500.000.000 đồng;

- Ngày 04/3/2022 chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng, anh có điện thoại cho chị N nói ngày 05/3/2022 anh sẽ chuyển thêm 300.000.000 đồng, chị N không nói gì nhưng ngày 05/3/2022 chị N chuyển khoản trả lại cho anh 200.000.000 đồng này kèm theo lời nhắn *"Chuyển tiền sai ngày sai hợp đồng đã ký nên chuyển ngược lại không nhận"*. Sau đó chị N điện thoại nói với Anh S là do anh chuyển tiền sai hợp đồng đã ký, nên bị mất toàn bộ số tiền cọc 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) đã chuyển cho chị N.

Tại thời điểm giao dịch chuyển nhượng đất thì Anh S cũng biết 03 thửa đất này do Bà Trần Thị Lệ H, sinh năm 1979, địa chỉ: Khu phố HL, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh đang đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng nhưng chị N nói với anh đất này thực tế là của chị N, do chị N phân ra nhiều thửa nên nhờ bà H đứng tên cho phù hợp quy định về đất đai, một mình chị N không thể đứng tên nhiều thửa đất được, chị N cam kết sẽ làm được thủ tục pháp lý sang tên cho anh. Anh S tin tưởng nên đồng ý thỏa thuận mua đất này với chị N. Theo anh được biết thì khi chưa hết hạn hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi trong hợp đồng đặt cọc ngày 22/02/2022 (hạn cuối hợp đồng ngày 24/4/2022) thì 03 thửa đất này bà H đã bán cho người khác.

Vào khoảng tháng 8-9 năm 2022 vợ chồng anh và một số người bạn của anh có đến quán cà phê của chị N gặp trực tiếp chị N nói chuyện xin nhận lại tiền cọc, chị N đồng ý trả lại cho anh 1.000.000.000 đồng, hẹn vài ngày sau họp thông qua Hội đồng quản trị Công ty của chị N xong, chị N sẽ trả tiền lại cho anh, nhưng sau đó chị N cứ hẹn nhiều lần kéo dài đến nay vẫn chưa trả, nên anh làm đơn khởi kiện.

Nay Anh S yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng đặt cọc mà Anh Lê Công D đại diện cho anh và Chị Nguyễn Thị Cẩm N đã ký ngày 22/02/2022 là vô hiệu; yêu cầu chị N trả lại tiền cọc đã nhận là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), không yêu cầu tính tiền lãi. Anh S chỉ muốn nhận lại tiền nên không yêu cầu xem xét dấu hiệu hình sự của chị N.

Chị Nguyễn Thị Cẩm N trình bày:

Chị N thừa nhận có ký hợp đồng đặt cọc ngày 22/02/2022 chuyển nhượng đất cho Anh Nguyễn Thanh S (do Anh Lê Công D đại diện Anh S ký tên) và đã nhận số tiền cọc 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) do Anh S chuyển vào số tài khoản của chị, trong đó chị đã trả tiền môi giới cho anh Lê Công C là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Đất này do Bà Trần Thị Lệ H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng, chị có làm hợp đồng đặt cọc cho bà H 500.000.000 đồng (là tiền chị N đã đưa cho bà H góp vốn để mua phần đất này), bà H đồng ý cho chị toàn quyền quyết định chuyển nhượng phần đất này, khi nào chị thỏa thuận chuyển nhượng đất cho ai thì bà H đồng ý ra công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng đất này cho người mua, giữa chị và bà H chỉ thỏa thuận miệng không có văn bản ủy quyền nhưng bà H có viết hợp đồng nhận tiền đặt cọc của chị, do thời gian quá lâu chị không nhớ để ở đâu, khi nào chị tìm được sẽ nộp bổ sung cho Tòa

án. Sau khi chị chuyển trả 200.000.000 đồng lại cho Anh S và hủy hợp đồng thì chị và bà H đã bán 03 thửa đất này cho người khác.

Khi ký kết hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng đất cho Anh S, hai bên đã giao kết về thời gian, số tiền mà Anh S phải trả tiếp cho chị, có ghi cụ thể trong hợp đồng. Tuy nhiên Anh S đã không thực hiện đúng các thỏa thuận này. Trước đây Anh S đã vi phạm hợp đồng với chị 01 lần nhưng chị đã nhân nhượng trả lại cho Anh S số tiền cọc là 600.000.000 đồng (chị đưa tiền cho Anh Lê Công D là người môi giới bên Anh S để trả lại cho Anh S). Lần này Anh S tiếp tục vi phạm hợp đồng, nên bị mất toàn bộ số tiền đã đưa cho chị theo hợp đồng đặt cọc đã ký kết ngày 22/02/2022. Do đó, chị N không đồng ý trả lại cho Anh S số tiền nào.

Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh S thì chị N không yêu cầu anh Lê Công C trả lại phí môi giới đã nhận của chị là 70.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2023 Anh Lê Công D trình bày:

Anh chỉ biết Anh S qua người quen giới thiệu. Trước đây Anh S có kêu anh theo phụ mua bán đất với Anh S. Anh không quen biết chị N, biết anh Lê Công C qua Zalo, là người môi giới bất động sản.

Ngày 22/02/2022 Anh S hẹn gặp anh, kêu anh đi gặp chị N để thay mặt Anh S ký hợp đồng đặt cọc mua đất của chị N, Anh S bận việc nên không trực tiếp đi ký hợp đồng. Nội dung hợp đồng này là do Anh S đã thỏa thuận trước với chị N, hai bên hẹn gặp nhau ở quán cà phê Song Trang thuộc xã Bàu Năng, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh để ký hợp đồng. Anh S chỉ ủy quyền cho anh gặp chị N ký tên vào hợp đồng đặt cọc, đem hợp đồng này về cho Anh S, còn tiền thì do Anh S và chị N tự giao nhận với nhau, anh không được hưởng lợi ích gì.

Chị N có đưa cho anh xem bản photo 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 03 thửa đất, anh thấy do chị H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng 03 thửa đất này, không phải do chị N đứng tên, nhưng chị N có nói là chị N có quyền bán đất này, sau khi Anh S đưa tiền lần thứ hai theo hợp đồng thì chị N sẽ đưa bản chính 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để Anh S đi kiểm tra thông tin. Anh không thấy văn bản ủy quyền của chị H cho chị N bán đất này và khi ký hợp đồng đặt cọc chỉ có mặt anh, chị N và anh C, không có mặt chị H.

Chị N đưa mẫu hợp đồng đặt cọc cho anh viết. Sau khi viết xong anh có điện thoại đọc lại cho Anh S nghe và đưa cho chị N đọc, hai bên thống nhất thì anh mới ký tên. Hợp đồng này viết trên phôi giấy in sẵn, có 03 liên (màu trắng, màu hồng và màu vàng), hình thức viết liên đầu màu trắng phía trên in xuống 02 liên phía dưới có giá trị như nhau. Sau khi ký hợp đồng, chị N xé đưa cho anh giữ liên màu hồng, sau đó anh đưa lại cho Anh S giữ, còn lại 02 liên chị N giữ.

Anh chỉ nghe nói là do Anh S vi phạm hợp đồng, chuyển tiền cho chị N không đúng số tiền và thời gian ghi trong hợp đồng, chị N cho rằng Anh S vi phạm hợp đồng nên không đồng ý trả lại tiền cho Anh S. Anh không liên quan gì đến vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã đưa Bà Trần Thị Lệ H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các giấy triệu tập và văn bản tố tụng cho bà H (thông qua chồng của bà H là ông Võ Văn H3 ký nhận), nhưng không lần nào bà H đến Tòa án, nên không làm việc được với bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2023/DS-ST ngày 25-05-2022 của Tòa án nhân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh quyết định.

Áp dụng các Điều 117, 122, 123, 131, 328 của Bộ luật Dân sự; các Điều 168, 188 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Nguyễn Thanh S đối với Chị Nguyễn Thị Cẩm N.

+ Tuyên bố hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà được ký kết ngày 22/02/2022 giữa Chị Nguyễn Thị Cẩm N và Anh Nguyễn Thanh S (do Anh Lê Công D đại diện ký) vô hiệu.

+ Buộc Chị Nguyễn Thị Cẩm N có nghĩa vụ hoàn trả cho Anh Nguyễn Thanh S số tiền đặt cọc là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15 tháng 06 năm 2023, Chị Nguyễn Thị Cẩm N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của Anh S.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Chị Nguyễn Thị Cẩm N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Đơn kháng cáo của Chị Nguyễn Thị Cẩm N làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Hợp đồng đặt cọc để đảm bảo việc ký kết hợp đồng được Anh S và bị chị N ký kết ngày 22/02/2022 trên cơ sở tự nguyện, bằng văn bản. Tuy nhiên, Anh S không phải là người trực tiếp ký hợp đồng mà do Anh Lê Công D thay mặt Anh

S ký bên cọc, còn chị N ký bên nhận cọc. Anh S thừa nhận có nhờ anh D ký thay anh với tư cách bên cọc, nội dung thỏa thuận đã được anh và chị N thống nhất.

Theo giấy đặt cọc thì hai bên thỏa thuận chị N sẽ chuyển nhượng cho Anh S 03 thửa đất số 640, 641, 642, thuộc tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp PT, xã Ph, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh với giá 3.527.000.000 đồng. Anh S cọc tiền làm 3 lần vào các ngày: 22/02/2022; 23/02/2023 và ngày 03/3/2023 mỗi lần cọc 500.000.000 đồng, thời gian ký hợp đồng chuyển nhượng đất trong vòng 60 ngày. Giấy đặt cọc còn có nội dung "*tất cả trong thỏa thuận nếu sai một ngày bên B* (bên Anh S) *sẽ mất cọc hoàn toàn số tiền trên*". Quá trình thực hiện thì 2 lần đầu Anh S chuyển tiền cọc đúng thỏa thuận, nhưng lần thứ 3 đáng lẽ ngày 03/3/2023 Anh S phải chuyển 500.000.000 đồng thì qua ngày 04/4/2023 Anh S chỉ chuyển 200.000.000 đồng nên ngày 04/4/2023 chị N chuyển trả lại cho Anh S 200.000.000 đồng và thông báo không tiếp tục thực hiện hợp đồng, không trả lại số tiền đã nhận cọc của 2 lần trước.

Việc Anh S chuyển tiền lần thứ 3 chậm và không đủ Anh S có nhờ anh D và anh C điện báo cho chị N. Chị N thừa nhận anh D, anh C có gọi điện cho chị nhưng chị không đồng ý. Xét thấy, việc Anh S nhận chuyển nhượng đất từ chị N là thiện chí, thể hiện bằng việc 2 lần chuyển số tiền cọc với số tiền tổng cộng 01 tỷ đồng; lần thứ 3 anh cũng chuyển tiền nhưng chậm 01 ngày so với thỏa thuận. Tuy nhiên, việc chuyển tiền chậm này Anh S có nhờ anh D, anh C gọi điện báo cho chị N gia hạn. Việc chuyển chậm 01 ngày dù có vi phạm cam kết nhưng vi phạm này không nghiêm trọng, chưa gây thiệt hại cho chị N. Nên việc chị N chuyển tiền cọc lần thứ 3 lại cho Anh S và tự ý hủy việc ký kết hợp đồng là thể hiện sự không thiện chí. Hơn nữa, bản thân chị N cũng không phải là chủ sử dụng các phần đất thỏa thuận chuyển nhượng cho Anh S mà đất của người khác đứng tên, chủ đất chưa ủy quyền cho chị N chuyển nhượng cho người khác, nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố hợp đồng đặt cọc ngày 22/02/2022 giữa chị N và Anh S vô hiệu, buộc chị N hoàn trả cho Anh S số tiền cọc mà Anh S đã chuyển cho chị N là có căn cứ; kháng cáo của chị N không có cơ sở chấp nhận, nên giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2.2] Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên chị N phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Chị Nguyễn Thị Cẩm N; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 117, 122, 123, 131, 328 của Bộ luật Dân sự; các Điều 168, 188 của Luật Đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Nguyễn Thanh S đối với Chị Nguyễn Thị Cẩm N.

Tuyên bố hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà được ký kết ngày 22/02/2022 giữa Chị Nguyễn Thị Cẩm N và Anh Nguyễn Thanh S (do Anh Lê Công D đại diện ký) vô hiệu.

Buộc Chị Nguyễn Thị Cẩm N có nghĩa vụ hoàn trả cho Anh Nguyễn Thanh S số tiền đặt cọc là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu 42.300.000 đồng (bốn mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho Anh Nguyễn Thanh S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng) theo biên lai thu số 0001541 ngày 11 tháng 11 năm 2022.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm dân sự; ghi nhận chi Nhung đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo tại biên lai thu số 0002188 ngày 15-6-2023, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN được khấu trừ.

3. Những phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đỗ Văn Thinh